***Mẫu 7: Đề cương chi tiết học phần***

|  |  |
| --- | --- |
|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  **KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**  **BỘ MÔN QUẢN TRỊ** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾT HỢP DẠY TRỰC TUYẾN**

1. **Thông tin tổng quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần tiếng Việt** | **Quản trị học** |
| **Tên học phần tiếng Anh** | **Management** |
| **Mã học phần** | BBB1067 |
| Thuộc khối kiến thức | Kiến thức cơ sở ngành   |  |  | | --- | --- | | Bắt buộc | Tự chọn | |
| Trình độ | Đại học |
| Ngành học | Quản lý công |
| Khóa học | 2025 -2029 |
| Năm học | 2025 |
| Học kỳ | I |
| Số tín chỉ | 3 tín chỉ  Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 45  Thực hành, thảo luận (30 tiết/tín chỉ):  Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): 90 |
| Môn học tiên quyết |  |
| Môn học trước |  |
| Môn học sau |  |
| Môn học song hành |  |
| Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy | Tiếng Việt |
| Các giảng viên phụ trách giảng dạy | Trần Thị Hồng Liên  Phạm Trung Tuấn  Nguyễn Thị Kim Oanh  Nguyễn Minh Châu  Nguyễn Thị Bình Minh  Nguyễn Thị Lài  Nguyễn Thị Hồng Gấm  Nguyễn Thị Yến  Nguyễn Minh Thoại  Mai Thu Phương |
| Các giảng viên trợ giảng |  |

1. **Mô tả môn học**

*(Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)*

Quản trị học cung cấp cho người học những chức năng và kỹ năng quản trị để thực hiện các hoạt động trong một tổ chức nhằm kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ với nhau để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Thông tin được coi là dữ liệu đầu vào giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định. Chức năng của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.

Để học tốt môn này, sinh viên cần chủ động đọc tài liệu, lắng nghe giảng viên chia sẻ kiến thức trên lớp, khuyến khích tìm hiểu các tình huống quản trị (kinh doanh và ngoài kinh doanh) thực tiễn đăng trên báo chí, tập phân tích chúng dưới góc nhìn của nhà quản trị. Thảo luận nhóm để hiểu sâu phần lý thuyết, cũng như các bài tập tình huống từ thực tế hoạt động kinh doanh. Trang bị cho sinh viên kỹ năng thuyết trình và tương tác về những vấn đề chưa được thống nhất.

Quản trị học là môn học rộng phục vụ cho mọi định hướng nghề nghiệp, không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh mà cả các lĩnh vực khác như quản lý công, phi lợi nhuận; không chỉ đối với hoạt động của tổ chức mà cả đối với hoạt động cá nhân riêng lẻ; bởi lẽ, để hoạt động có hiệu quả thì ở lĩnh vực nào cũng cần thiết phải có kiến thức quản trị.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị học, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh.

1. **Tài liệu học tập**

**3.1. Giáo trình:**

[1] Gareth R. Jones, Jennifer M. George, dịch giả: Trần Thị Hồng Liên (2020), Quản trị học đương đại thiết yếu, NXB Hồng Đức.

**Tài liệu khác:**

[1] Robbins S.P., Coulter M. and Decenzo D.A. (2017), *Fundamentals of Management: Management Myths Debunked,* Edinburgh Gate: Pearson Education.

[2] Black J. S., Porter L. W (2000), *Management Meeting New Challenges,* Australia: Pearson

* 1. **Mục tiêu môn học**

*(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **(1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của môn học**  **(3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| **CO1** | Thể hiện được kiến thức cơ sở ngành kinh tế- quản lý các vấn đề quản trị của tổ chức. | **CLO1:** Thể hiện kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản lý tổ chức. | **2** |
| **CO2** | Phân tích và ứng dụng các kiến thức nền tảng về kinh doanh và quản lý để giải quyết các vấn đề tổ chức | **CLO2:** Nhận diện và giải quyết các vấn đề tồn tại trong kinh doanh và quản lý. | **2** |
| **CO3** | Chủ động, tích cực quan tâm đến hoạt động quản trị chung của tổ chức. |  |  |
| **CLO3:** Hình thành khả năng định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị và bảo vệ quan điểm cá nhân | **2** |

*(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.*

*(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.*

*(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học*.

1. **Chuẩn đầu ra môn học**

*(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **(1)** | **Mô tả CĐR**  **(2)** | **Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)** | **Mức độ giảng dạy**  **(I, T, U hoặc I, R, M)**  **(3)** |
| CLO1 | Thể hiện kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản lý tổ chức. | PLO1 | I |
| CLO2 | Nhận diện và giải quyết các vấn đề tồn tại trong kinh doanh và quản lý của tổ chức | PLO4 | I |
| CLO3 | Hình thành khả năng định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị và bảo vệ quan điểm cá nhân | PLO8 | I |

*(1): Ký hiệu CĐR của môn học*

*(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

*(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.*

1. **Đánh giá môn học**

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

*(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá (Ax.x)**  **(2)** | **CĐR môn học**  **(CLOx)**  **(3)** | **Tiêu chí đánh giá**  **(4)** | **Thời lượng đánh giá (5)** | **Trọng số**  **(6)** | **Trọng số con**  **(7)** |
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1 | CLO1  CLO2 | Học viên tham gia tích cực khoá học | 34,1 giờ | **25%** | 10% |
| A1.2 | CLO1  CLO2  CLO3 | Học viên thể hiện khả năng ghi nhớ kiến thức và tư duy có hệ thống | 1,5 giờ | 10% |
|  | A1.3 | CLO1  CLO2  CLO3 | Học viên thể hiện kiến thức và khả năng tư duy có hệ thống, nội hóa các tri thức đã học áp dụng vào làm tất cả các bài Quiz cuối chương học. | 1,5 giờ | 70% |
|  | A1.4 | CLO2  CLO3 | Thái độ học hành tốt, tham gia lớp học đầy đủ |  |  | 10% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | A2.1  Thuyết trình tiểu luận | CLO1  CLO2  CLO3 | Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ của tiểu luận. | 1-1,7 giờ | **25%** | 25% |
| Đánh giá khả năng tích lũy, cập nhật các tri thức mới, nội hóa các tri thức đã được trao đổi, tranh luận và phản biện. | 25% |
| Đánh giá khả năng sáng tạo, phát hiện vấn đề trong quản trị từ lý thuyết đến thực tế sinh động | 25% |
| Đánh giá khả năng trình bày một bài luận với hình thức phù hợp, logic. | 25% |
| A3. Đánh giá cuối kì | A3.1  Thi cuối kỳ | CLO1  CLO2  CLO3 | Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học. | 1-1,7 giờ | **50%** | 70% |
| Đánh giá khả năng sáng tạo, phân tích, phát hiện, giải quyết vấn đề. | 30% |

*(1): Các thành phần đánh giá của môn học.*

*(2): Ký hiệu các bài đánh giá*

*(3): Các CĐR được đánh giá.*

*(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học…..*

*(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)*

*(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm môn học*

*(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá*

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại** | **Thang điểm hệ 10** | **Thang điểm hệ 100** | **Thang điểm hệ 4** | |
| **Điểm số** | **Điểm chữ** |
| Xuất sắc | Từ 9,0 đến 10,0 | Từ 90 đến 100 | 4,0 | A+ |
| Giỏi | Từ 8,0 đến cận 9,0 | Từ 80 đến cận 90 | 3,5 | A |
| Khá | Từ 7,0 đến cận 8,0 | Từ 70 đến cận 80 | 3,0 | B+ |
| Trung bình khá | Từ 6,0 đến cận 7,0 | Từ 60 đến cận 70 | 2,5 | B |
| Trung bình | Từ 5,0 đến cận 6,0 | Từ 50 đến cận 60 | 2,0 | C |
| Yếu | Từ 4,0 đến cận 5,0 | Từ 40 đến cận 50 | 1,5 | D+ |
| Kém | Từ 3,0 đến cận 4,0 | Từ 30 đến cận 40 | 1,0 | D |
| < 3,0 | Dưới 30 | 0,0 | F |

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

1. **Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

*(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)*

***Lý thuyết***

| **TUẦN**  **WEEK** | **NỘI DUNG**  **(CONTENT)** | **CHUẨN ĐẦU RA**  **(DETAILED OUTCOME)** | **TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY**  **(TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES)** | **HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ**  **(ASSESSMENT EVIDENCE)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1: Quy trình quản trị - Con người trong Quản trị**  **1. 1 Quản trị ngày nay**  Mục tiêu học tập & Câu chuyện quản trị **(MV 1.1)**  1.1.1 Quản trị là gì? **(MV 1.2)**  1.1.2 Những nhiệm vụ quản trị cốt lõi **(MV 1.3)**  1.1.3 Cấp bậc và kỹ năng của các nhà quản trị **(MV 1.4)**  1.1.4 Những thay đổi gần đây trong thực tiễn quản trị **(MV 1.5)**  1.1.5 Những thách thức về quản trị trong môi trường toàn cầu **(MV 1.5)**  **1.2. Giá trị, thái độ, cảm xúc và văn hóa: Con người trong quản trị**  Mục tiêu học tập & Câu chuyện quản trị **(MV 1.6)**  1.2.1 Các đặc điểm cố định: Đặc điểm tính cách **(MV 1.7)**  1.2.2 Giá trị, thái độ, tâm trạng và cảm xúc **(MV 1.8)**  1.2.3 Trí tuệ cảm xúc **(MV 1.9)**  1.2.4 Văn hóa tổ chức **(MV 1.9)**  ***Gợi ý trả lời thảo luận* (MV 1.10)** | **CLO1,**  **CLO2,**  **CLO3** | **Tài liệu :**  **Phần 1 - Chương 1. Quy trình quản trị ngày nay (P.35), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020),* NXB Hồng Đức**  **Phần 1 - Chương 2. Giá trị, thái độ, cảm xúc và văn hoá: Con người trong quản trị (P.95), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020),* NXB Hồng Đức**  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **2** | **CHƯƠNG 2. Quản trị đạo đức và sự đa dạng**  Giới thiệu Chương 2 **(MV 2.1)**  2.1 Khái niệm, bản chất của Đạo đức **(MV 2.2)**  2.2. Đạo đức và các đối tượng hữu **quan (MV 2.3)**  2.3 Quy tắc nền tảng tạo nên Quyết định có đạo đức **(MV 2.4)**  2.4 Nguồn gốc đạo đức tổ chức **(MV 2.5)**  2.5 Nhà quản trị và Quyết định có đạo đức **(MV 2.6)**  2.6 Khái niệm sự đa dạng **(MV 2.7)**  2.7 Nguồn gốc sự đa dạng trong tổ chức **(MV 2.7)**  2.8 Quản trị sự đa dạng hiệu quả trong tổ chức **(MV 2.8)**  **BÀI TẬP TÌNH HUỐNG (MV 2.9)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3.** | **Tài liệu tham khảo:**  **Phần 2 - Chương 3. Quản trị đạo đức và sự đa dạng (P.143), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020),* NXB Hồng Đức.**  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **2** | **CHƯƠNG 3. Quản trị trong môi trường toàn cầu**  Mục tiêu môn học, Câu chuyện quản trị **(MV 3.1)**   |  | | --- | | **3.1 Môi trường toàn cầu là gì?** **(MV 3.2)**  **3.2 Môi trường tác nghiệp (MV 3.2 và MV 3.3)**  3.2.1 Nhà cung cấp **(MV 3.3)**  3.2.2 sử dụng nguồn lực toàn cầu **(MV 3.3)**  3.2.3 Nhà phân phối **(MV 3.4)**  3.2.4 Khách hàng **(MV 3.4)**  3.2.5 Đối thủ cạnh tranh **(MV 3.4)**  **3.3 Môi trường tổng quát (MV 3.5)**  3.3.1 Lực lượng kinh tế  3.3.2 Lực lượng công nghệ  3.3.3 Lực lượng văn hóa xã hội  3.3.4 Lực lượng nhân khẩu học  3.3.5 Lực lượng chính trị và pháp lý  **3.4 Môi trường toàn cầu đang thay đổi (MV 3.6)**  3.4.1 Toàn cầu hóa  3.4.2 Rào cản thương mại và đầu tư suy giảm  3.4.3 Sự suy giảm rào cản về khoảng cách và văn hóa  3.4.4 Tác động của thương mại tự do đối với các nhà quản trị  **3.5 Vai trò của văn hóa quốc gia (MV 3.7 và MV 3.8)** |   3.5.1 Giá trị **(MV 3.7)**  3.5.2 Chuẩn mực: Thuần phong mỹ tục, tập quán **(MV 3.7)**  3.5.3 Mô hình văn hóa Quốc gia của Hofstede. **(MV 3.8)**  3.5.4 Văn hóa Quốc gia và Quản trị toàn cầu **(MV 3.8)**  **Hướng dẫn gợi ý các chủ đề thảo luận câu chuyện Quản trị (MV 3.9)**  **Câu hỏi thảo luận bài tập cuối chương (1)  Câu hỏi thảo luận bài tập cuối chương (2) (MV 3.10)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3** | **Tài liệu tham khảo:**  **Phần 2 - Chương 4. Quản trị môi trường toàn cầu (P.205), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020),* NXB Hồng Đức.**  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **3** | **Chương 4. Ra quyết định, học hỏi, sáng tạo, khởi sự kinh doanh**  Mục tiêu chương 4 và Câu chuyện Quản trị **(MV 4.1)**  4.1 Bản chất của việc ra quyết định **(MV 4.2)**  4.2 Mô hình ra quyết định cổ điển **(MV 4.3)**  4.3 Ra quyết định khi thông tin không đầy đủ **(MV 4.4)**  4.7 Thúc đẩy tính sáng tạo cá nhân **(MV 4.5)**  4.4 Các bước trong quá trình ra định **(MV 4.6)**  4.5 Ra quyết định theo nhóm **(MV 4.7)**  4.6 Học tập và sáng tạo có tính tổ chức **(MV 4.8)**  4.7 Thúc đẩy tính sáng tạo cá nhân **(MV 4.9)**  4.8 Khởi sự kinh doanh & sáng tạo **(MV 4.9)**  4.9 Các bài tập tình huống **(MV 4.10)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3,** | **Tài liệu tham khảo:**  **Phần 3-Chương 5. Ra quyết định, học hỏi, sáng tạo và khởi nghiệp kinh doanh (P.255), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020)*, NXB Hồng Đức.**  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **4** | **CHƯƠNG 5. GIAO TIẾP HIỆU QUẢ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  **Mục tiêu học tập và câu chuyện quản trị (MV 5.1)**  **5.1 Giao tiếp và quản trị (MV 5.1)**  **5.2 Quá trình giao tiếp (MV 5.2)**  **5.3 Sự phong phú thông tin và các phương tiện giao tiếp**  5.3.1 Sự phong phú thông tin **(MV 5.3)**  5.3.2 Các phương tiện giao tiếp **(MV 5.4)**  **5.4 Thông tin và công việc nhà quản trị (MV 5.5)**  5.4.1 Thông tin **(MV 5.5)**  5.4.2 Các yếu tố tác động đến sự hữu ích của thông tin **(MV 5.5)**  5.4.3 Công nghệ thông tin là gì **(MV 5.5)**  5.4.4 Thông tin và quyết định **(MV 5.6)**  5.4.5 Thông tin và kiểm soát **(MV 5.6)**  5.4.6 Thông tin và phối hợp**(MV 5.6)**  **5.5 Những tiến bộ trong CNTT (MV 5.7)**  **5.6 Các loại hình hệ thống thông tin QT (MV 5.8)**  5.6.1 Thang bậc tổ chức  5.6.2 Hệ thống xử lý giao dịch  5.6.3 Hệ thống thông tin tác nghiệp  5.6.4 Hệ thống hỗ trợ quyết định  **5.6 Các loại hình hệ thống thông tin QT (MV 5.9)**  5.6.5 Trí tuệ nhân tạo  5.6.6 Hệ thống chuyên gia  5.6.7 Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp  5.6.8 Thương mại điện tử  **Bài Quiz và Tình huống (MV 5.10)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3,** | **Tài liệu tham khảo:**  **Phần 6-Chương 13. Giao tiếp hiệu quả và quản trị công nghệ thông tin (P.691), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020*), NXB Hồng Đức.**  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **5** | **CHƯƠNG 6. HOẠCH ĐỊNH, CHIẾN LƯỢC VÀ LỢI THẾ CẠNH TRANH**  **Giới thiệu Chương 6 và Mục tiêu học tập (MV 6.1)**  **6.1 Hoạch định và chiến lược (MV 6.1)**  6.1.1 Hoạch định và chiến lược  6.1.2 Ba bước trong hoạch định tổ chức  **6.2 Xác định sứ mệnh và mục tiêu của tổ chức**  6.2.1 Tuyên ngôn sứ mệnh **(MV 6.2)**  6.2.2 Bản chất của quá trình hoạch định **(MV 6.2)**  6.2.3 Tại sao hoạch định lại quan trọng? **(MV 6.2)**  6.2.4 Cấp bậc và loại hình hoạch định **(MV 6.3)**  6.2.5 Các loại kế hoạch **(MV 6.3)**  **6.3 Xây dựng chiến lược**  6.3.1 Phân tích SWOT **(MV 6.4)**  6.3.2 Mô hình 5 lực lượng **(MV 6.5)**  **6.4 Xây dựng chiến lược cấp đơn vị kinh doanh (MV 6.6)**  6.4.1 Chiến lược chi phí thấp  6.4.2 Chiến lược khác biệt hóa  6.4.3 Chiến lược chi phí thấp tập trung  6.4.4 Chiến lược khác biệt hóa tập trung  6.4.5 Thế mắc kẹt ở giữa  **6.5 Xây dựng chiến lược cấp công ty**  6.5.1 Tập trung vào một ngành đơn lẻ **(MV 6.7)**  6.5.2 Tích hợp theo chiều dọc **(MV 6.7)**  6.5.3 Đa dạng hóa **(MV 6.7)**  6.5.4 Mở rộng quốc tế **(MV 6.8)**  **6.6 Hoạch định và thực thi chiến lược (MV 6.9)**  **Gợi ý và trả lời bài tập (MV 6.10)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3,** | **Tài liệu tham khảo:**  Phần 3-Chương 6. Hoạch định, chiến lược và lợi thế cạnh tranh (P. 301), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020*), NXB Hồng Đức.  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **6** | **CHƯƠNG 7. THIẾT KẾ CƠ CẤU TỔ CHỨC**  **7.1 Thiết kế cơ cấu tổ chức (MV 7.1)**  7.1.1.Tổ chức, cơ cấu tổ chức, thiết kế tổ chức **(MV 7.2)**  7.1.2. Các yếu tố tác động đến cơ cấu tổ chức **(MV 7.2)**  **7.2 Nhóm các nhiệm vụ thành công việc: Thiết kế công việc**  7.2.1 Đơn giản hoá công việc, mở rộng hoá công việc, làm giàu hoá công việc **(MV 7.3)**  7.2.2 Mô hình đặc điểm công việc **(MV 7.3)**  **7.3 Nhóm các công việc thành chức năng và bộ phận: Thiết kế cơ cấu tổ chức**  7.3.1 Cơ cấu chức năng **(MV 7.4)**  7.3.2 Cơ cấu bộ phận: sản phẩm **(MV 7.5)**  7.3.3Cơ cấu bộ phận: theo địa lý và thị trường **(MV 7.6)**  7.3.4 Cơ cấu ma trận **(MV 7.7)**  **7.4 Điều phối chức năng và bộ phận**  7.4.1 Quyền lực, chuỗi quyền lực, tầm kiểm soát, phân quyền **(MV 7.8)**  7.4.2 Cơ chế tích hợp và điều phối **(MV 7.9)**  **- Tóm lược kiến thức và tình huống quản trị (MV 7.10)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3,** | **Tài liệu tham khảo:**  Phần 4-Chương 7. Thiết kế cơ cấu tổ chức (P. 353), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020),* NXB Hồng Đức.  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **7** | **CHƯƠNG 8. KIỂM SOÁT, THAY ĐỔI VÀ KHỞI SỰ KINH DOANH**  **Tổng quan, Câu chuyện quản trị (MV 8.1)**  **8.1 Kiểm soát tổ chức**  8.1.2 Tầm quan trọng của kiểm soat tổ chức **(MV 8.1)**  Bài tập thảo luận theo nhóm.  8.1.3 Hệ thống kiểm soát và công nghệ thông tin **(MV 8.2)**  - Hệ thống kiểm soát  - Ba loại kiểm soát (kiểm soát cảnh báo; kiểm soát đồng thời; kiểm soát phản hồi)  - Bài tập thảo luận cá nhân.  - Quy trình kiểm soát  **8.2 Kiểm soát đầu ra (MV 8.3)**  8.2.1 hước đo kết quả về tài chín: Bốn thước đo kết quả tài chính  8.2.2 Mục tiêu tổ chức  8.2.3 Ngân sách hoạt động  8.2.4 Các vấn đề với kiểm soát đầu ra  **8.3 Kiểm soát hành vi (MV 8.4)**  8.3.1 Giám sát trực tiếp  8.3.2 Quản trị theo mục tiêu  8.3.3 Kiểm soát quan liêu; Các vấn đề với kiểm soát quan liêu  Bài tập cá nhân: Kiểm soát đầu ra và kiểm soát hành vi khác nhau như thế nào?  **8.4 Văn hoá tổ chức và kiểm soát bằng văn hoá tổ chức**  8.4.1 Khái niệm văn hoá tổ chức. **(MV 8.5)**  8.4.2 Văn hoá thích nghi và văn hoá trì trệ **(MV 8.5)**  8.4.3 Kiểm soát bằng văn hoá tổ chức **(MV 8.6)**  **8.5 Thay đổi tổ chức (MV 8.7)**  8.5.1 Thay đổi tổ chức  8.5.2 Đánh giá nhu cầu thay đổi  8.5.3 Quyết định thay đổi cần thực hiện  8.5.4 Thực hiện thay đổi  8.5.5 Đánh giá nhu cầu thay đổi  **8.6 Khởi sự kinh doanh, kiểm soát và thay đổi (MV 8.8)**   * Nhà khởi nghiệp * Nhà khởi nghiệp nội bộ * Khởi sự kinh doanh   **Bài tập thảo luận nhóm ((MV 8.9)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3** | **Tài liệu tham khảo:**  **Phần 4-Chương 8. Kiểm soát, thay đổi và khởi sự kinh doanh (P. 403), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020*), NXB Hồng Đức.**  **Phần 6-Chương 14. Quản trị tác nghiệp: Quản trị các nghiệp vụ và quy trình trọng yếu (P.691), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020*), NXB Hồng Đức.**  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **8** | **CHƯƠNG 9. ĐỘNG LỰC – LÃNH ĐẠO & NHÀ LÃNH ĐẠO**  **Video 11. Thù lao và động lực (Giới thiệu, nêu đặc điểm và mối liên hệ giữa Thù lao và động lực)**  **Giới thiệu Chương (MV 9.1)**  **9.1. Động lực**  9.1.1 Bản chất của động lực **(MV 9.1)**  9.1.2 Lý thuyết kỳ vọng **(MV 9.2)**  9.1.3 Lý thuyết nhu cầu **(MV 9.3)**  9.1.4 Lý thuyết về sự công bằng **(MV 9.4)**  9.1.5 Lý thuyết xác lập mục tiêu **(MV 9.4)**  9.1.6 Các lý thuyết về học tập **(MV 9.5)**  9.1.7 Thù lao và động lực **(MV 9.5)**  **9.2. Lãnh đạo và nhà lãnh đạo**  9.2.1 Bản chất của lãnh đạo **(MV 9.6)**  9.2.2 Các mô hình đặc điểm cá nhân và mô hình hành vi của lãnh đạo **(MV 9.7)**  9.2.3 Mô hình lãnh đạo phù hợp với hoàn cảnh **(MV 9.8)**  9.2.4 Lãnh đạo chuyển đổi **(MV 9.9)**  9.2.5 Giới tính và lãnh đạo **(MV 9.9)**  9.2.6 Trí tuệ cảm xúc và khả năng lãnh đạo **(MV 9.9)**  **Bài tập tình huống: Động lực và lãnh đạo (MV 9.10)** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3,** | **Tài liệu tham khảo:**  Phần 5-Chương 9. Động lực (P. 451), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020),* NXB Hồng Đức.  **Phần 5-Chương 10.** Lãnh đạo và nhà lãnh đạo (P. 503), *Giáo trình “Quản trị học đương đại thiết yếu” (2020*), NXB Hồng Đức.  ***-VIDEOS BÀI GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN***  ***-SLIDES BÀI GIẢNG CHƯƠNG HỌC***  **HĐ dạy:**  + Giảng viên mở tài nguyên (video, tài liệu, bài tập & diễn đàn trên LMS)  + Giảng viên giới thiệu nội dung học trong mỗi video  + Giảng viên giới thiệu mục tiêu môn học  + Giảng viên giới thiệu Câu chuyện quản trị và hướng dẫn người học trả lời câu hỏi, rút ra bài học  + Giảng viên đặt câu hỏi tương tác trước khi hướng dẫn lý thuyết  + Giảng viên giới thiệu câu hỏi Thảo luận và hướng dẫn người học cách thảo luận để làm việc nhóm  + Nhắc nhở làm thảo luận trên diễn đàn LMS và bài ôn tập chương trên LMS  **HĐ học:**  -Đọc tài liệu tham khảo chính và các tài liều bổ sung GV cung cấp.  - Xem video bài giảng, đọc giáo trình  - Trả lời câu hỏi trong mỗi video (nếu có)  - Làm việc nhóm các nội dung thảo luận và tham gia diễn đàn thảo luận (nếu có)  - Làm trắc nghiệm ôn tập chương trên cửa sổ LMS (nếu có) | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3** |
| **9** | **Thuyết trình tiểu luận nhóm** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3,** | **SV chuẩn bị trình bày thuyết trình như yêu cầu**  **Nhóm còn lại phản biện/thảo luận chung** |  |
| **10** | **Thuyết trình tiểu luận nhóm** | **CLO1, CLO2,**  **CLO3,** | **SV chuẩn bị trình bày thuyết trình như yêu cầu**  **Nhóm còn lại phản biện/thảo luận chung** |  |

*(1): Thông tin về tuần/buổi học.*

*(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục*

*(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu* CLOx*)*

*(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)*

*(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)*

1. **Tổng thời lượng học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Hoạt động dạy và học** | **Số tiết** | **Thời lượng (giờ)** | **Tổng thời lượng (giờ)** |
| ﻿Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi) | Học online | 41 | 5/6 | 34,1 |
| Tự học ngoài giờ |  |  |  |  |
| Bài giữa kỳ | Tự luận | 2 | 5/6 | 1,7 |
| Thi cuối kỳ | Trắc nghiệm | 2 | 5/6 | 1,7 |
| **Tổng thời lượng** | | **45 tiết** |  |  |
| **Tổng thời lượng/ ….. giờ** | | **37,5** |  | **37,5** |
| **﻿ Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS** | | **3** |  | **3** |

*Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.*

1. **Quy định của môn học**

*(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)*

**Quy định về tham dự lớp học**

* *Sinh viên có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.*
* *Các quy định khác theo quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - Luật.*

**Quy định về hành vi trong lớp học**

* *Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.*
* *Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.*
* *Tuyệt đối không được ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện tử như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.*
* *Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.*

**Quy định về học vụ**

* *Lớp học được phân chia thành các nhóm, mỗi nhóm được nhận một đề tài/bài tập tình huống trong phạm vi môn học và do giảng viên đề xuất.*
* *Phương pháp đánh giá nội dung thuyết trình và kiểm tra được qui định chi tiết trong Mục 7 của đề cương môn học.*
* *Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-HCM*

1. **Phụ trách môn học**

* Khoa: Quản trị kinh doanh
* Bộ môn: Quản trị
* Địa chỉ và email liên hệ: [khoaqtkd@uel.edu.vn](mailto:khoaqtkd@uel.edu.vn)

1. **Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 20/12//2024**
2. **Đề cương được thẩm định và thông qua ngày: 18/ 3/2025**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN**  **LẬP ĐỀ CƯƠNG**    **Nguyễn Thị Hồng Gấm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **QUẢN TRỊ**  Chữ ký Tuấn_24012021  **Phạm Trung Tuấn** | **TRƯỞNG KHOA**  A blue letter on a black background  Description automatically generated  **Trần Thị Hồng Liên** |

**PHỤ LỤC 1**

**MỘT SỐ RUBRIC GIẢNG VIÊN TỰ THIẾT KẾ CHO CÁC BÀI ĐÁNH GIÁ**

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM QUÁ TRÌNH (THANG ĐIỂM 10)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mô tả tiêu chí** | **Mức độ** | **Điểm** | **Nhận xét giảng viên** |
| A1.1 Hoàn thành tất cả các hoạt động môn học trên LMS | 80\_100% | 1 |  |
| 60\_80% | 0,5 |  |
| A1.2 Hoạt động nhóm, tham gia thảo luận nhóm, làm BT tình huống |  | 2 |  |
| A1.3 Làm tất cả các bài Test ôn tập cuối mỗi Chương |  | 7 |  |
| A1.4 Điểm thưởng (tương tác/trả lời câu hỏi/Điểm danh,... |  | 1,5 |  |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH GIỮA KỲ (THANG ĐIỂM 10)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mô tả tiêu chí** | **Điểm**  **tối đa** | **Điểm** | **Nhận xét**  **của giảng**  **viên** |
| **Nội dung (50%)** | | | |
| Bài thuyết trình có mục đích, chủ đề và bố cục rõ ràng (giới thiệu, các  nội dung chính, kết luận vấn đề). | 10 |  |  |
| Biết chọn lọc nội dung làm điểm nhấn trong bài thuyết trình, tránh lan  man.  Đồng thời, vẫn bảo đảm đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề cần  trình bày. | 5 |  |  |
| Đưa ra những ví dụ thích hợp, dữ kiện và hoặc số liệu thống kê; hỗ  trợ cho kết luận ý tưởng bằng dẫn chứng cụ thể. | 10 |  |  |
| Thông tin đưa ra chính xác, khoa học và cập nhật. | 5 |  |  |
| Trình bày thông tin theo trình tự hợp lý, an ninh thú vị thuận tiện cho  việc theo dõi bài thuyết trình. | 5 |  |  |
| Bài trình bày không có lỗi chính tả hoặc lỗi ngữ pháp và quá nhiều  chữ trong slide thuyết trình. | 5 |  |  |
| Câu trả lời trôi chảy, logic và rõ ràng, thể hiện rõ được sự hiểu biết  sâu sắc về chủ đề. | 5 |  |  |
| **Hình thức (25%)** | | | |
| Có sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ bài trình chiếu (powerpoint/prezi, infographic, hình ảnh, sơ đồ bảng biểu, bản đồ...). | 5 |  |  |
| Các công cụ hỗ trợ có hình thức tốt (hình ảnh sắc nét, kích thước  không quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn, phông nền làm nổi  bật chữ viết...). | 5 |  |  |
| Sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp nội dung thuyết trình (hình ảnh phù  hợp nội dung, các sơ đồ bảng biểu thiết kế hợp lý...) | 5 |  |  |
| Có sự sáng tạo, ấn tượng trong việc sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ  trợ. | 5 |  |  |
| **Phong cách (25%)** | | | |
| Phong thái tự tin, chuyên nghiệp, nhiệt thuyết trình bày chủ đề. | 5 |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hình thể, tốc độ nói và âm lượng phù  hợp.  Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, ề à hoặc có những từ  ngữ thừa (à, ờ, thì, mà, là…) | 5 |  |  |